

Bản án số: 101/2017/DS-PT.

Ngày: 28/9/2017.

V/v: Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Mừng.
Bà Vũ Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phước Minh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Thế Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2017/TLPT-DS ngày 08 tháng 9 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 27/2017/DS-ST ngày 18/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2017/QĐ-PT ngày 14/9/2017; của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Vợ chồng ông Trần Phúc L, sinh năm: 1965.

Bà Huỳnh Thị T, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: Thôn ĐA, xã ĐL, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông Lê Duy H, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Số 07 Thôn ĐA, xã ĐL, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trần Thị B, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Số 07 Thôn ĐA, xã ĐL, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

2/ Bà Đặng Thị Ngọc H1, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã ĐL, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Duy H - Bị đơn.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn vợ chồng ông Trần Phúc L, Bà Huỳnh Thị T trình bày:

Ngày 14/3/2001, Ông Lê Duy H có chuyển nhượng cho vợ chồng ông bà diện tích đất 165m² (30m x 5,5m), thuộc một phần thửa số 270, tờ bản đồ số 5, xã ĐL, huyện ĐT với số tiền 14.000.000 đồng. Vợ chồng ông bà đã giao đủ tiền cho ông H. Do tại thời điểm chuyển nhượng đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên hai bên có viết giấy tờ tay với nhau có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã ĐL, huyện ĐT. Tại thời điểm chuyển nhượng lộ giới đất nhà nước quy định là 20m tính từ tim đường.

Sau khi nhận chuyển vợ chồng ông bà tiến hành đổ đất theo đúng hiện trạng đã nhận chuyển nhượng như hiện tại đang sử dụng, vợ chồng ông bà có làm một căn nhà ván lợp tôn diện tích 5m x 20m vào năm 2009 và trồng 03 cây bơ, 01 cây mít năm 2009. Vợ chồng ông bà có yêu cầu ông H làm thủ tục sang tên rất nhiều lần nhưng ông H cứ hứa lần này đến lần khác, cố tình kéo dài không làm thủ tục cho vợ chồng ông bà. Năm 2015 ông H cam kết làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông bà, đồng thời Ủy ban nhân dân xã ĐL có yêu cầu ông H tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông H không làm thủ tục tách sổ cho đến nay.

Nay vợ chồng ông bà khởi kiện yêu cầu ông H tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 165m² thuộc một phần thửa 270, tờ bản đồ 05 tại xã ĐL, huyện ĐT theo quy hoạch đất năm 2001 trừ lộ giới 20m. Ngoài ra, vợ chồng ông bà không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn Ông Lê Duy H trình bày:

Ngày 14/3/2001, ông có chuyển nhượng cho vợ chồng ông L, bà T diện tích đất 165m² (30m x 5,5m), số tiền chuyển nhượng là 14.000.000 đồng. Ông đã nhận đủ tiền của vợ chồng ông L, bà T. Tại thời điểm chuyển nhượng diện tích đất trên chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng với nhau có xác nhận của chính quyền địa phương. Vợ chồng ông L, bà T đã nhận đất sử dụng, làm nhà, đổ đất và trồng một số cây ăn trái.

Sau khi chuyển nhượng do trước đây ông và vợ ông ly hôn, ông phải thi hành số tiền trả cho ngân hàng và vợ ông nên Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐT có lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông để kê biên. Do ông đã trả hết nợ cho vợ và ngân hàng nên ông lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lên xã ĐL để làm thủ tục tách thửa cho vợ chồng ông L, bà T.

Tuy nhiên, do diện tích đất còn lại không đủ theo quy định nên không tách thửa được. Sau đó do hoàn cảnh gia đình nên ông có thể chấp diện tích đất trên thuộc thửa 270, tờ bản đồ 05, tại xã ĐL, huyện ĐT. Hiện tại ông đã lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về và đang giữ không thể chấp, cầm cố cho ai.

Ông chỉ chuyển nhượng cho vợ chồng ông L, bà T đúng 30m x 5,5m được trừ 15m lộ giới như hiện tại chứ không phải trừ 20m như vợ chồng ông L, bà T trình bày. Trong hợp đồng chuyển nhượng đất ở như vợ chồng ông L, bà T cung cấp cho Tòa án nhưng ông chỉ đồng ý chuyển nhượng cho vợ chồng ông L, bà T 100m² đất thổ cư, còn lại là đất trồng cây hàng năm khác trong tổng diện tích 165m². Ông khẳng định diện tích đất trên là tài sản của riêng ông, không L quan đến bà H1 vợ ông trước đây.

Nay qua việc vợ chồng ông L, bà T khởi kiện yêu cầu ông tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 30m x 5,5m được trừ 20m lộ giới tính từ tim đường ông không đồng ý. Ông chỉ đồng ý chuyển nhượng cho vợ chồng ông L, bà T 30m x 5,5m được trừ 15m lộ giới tính từ tim đường. Ngoài ra, ông không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị B trình bày:

Hiện tại bà là vợ ông H đã kết hôn năm 2007, diện tích đất thuộc thửa 270, tờ bản đồ 05 tại xã ĐL, huyện ĐT là tài sản riêng của ông H, bà chỉ về sống với ông H sau này. Năm 2015, bà T có trực tiếp cầm sổ đỏ của chồng bà để tách thửa nhưng do diện tích đất tách sổ không đúng nên chồng bà không đồng ý. Qua việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông L, bà T với ông H bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo ý kiến của ông H.

Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

Người liên quan Bà Đặng Thị Ngọc H1 trình bày:

Bà và ông H đã ly hôn, đối với diện tích đất đã bán cho vợ chồng ông L, bà T thì bà không còn liên quan nữa. Bà khẳng định diện tích đất trên bà và ông H khi chuyển nhượng cho vợ chồng ông L, bà T đã trừ lộ giới tại thời điểm chuyển nhượng nhưng bà không nhớ là bao nhiêu. Nay qua việc tranh chấp trên bà không có ý kiến, cũng như không có yêu cầu gì.

Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 27/2017/DS-ST ngày 18/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐT. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của vợ chồng ông Trần Phúc L, Bà Huỳnh Thị T. Buộc Ông Lê Duy H tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 165m² đất ở nông thôn thuộc một phần thửa 270, tờ bản đồ 05, tại xã ĐL, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng (Được trừ lộ giới 20m tính từ tim đường). Trên đất có 01 căn nhà cấp 4C tường xây gạch kết hợp ván gỗ diện tích 73,292m²; 03 cây bơ (Có họa đồ kèm theo).

Vợ chồng ông Trần Phúc L, Bà Huỳnh Thị T và Ông Lê Duy H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục tách thửa và chuyển nhượng đất để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Buộc Ông Lê Duy H phải nộp 1.897.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho vợ chồng ông Trần Phúc L, Bà Huỳnh Thị T số tiền 500.000 đồng ông L, bà T đã tạm nộp trước theo biên lai thu tiền số 0006386 ngày 14/10/2016 của Chi cục thi hành án huyện ĐT.

Về chi phí định giá: Buộc Ông Lê Duy H phải chịu 2.000.000 đồng chi phí đo đạc, định giá để trả lại cho vợ chồng ông L, bà T.

Ngày 25/7/2017, bị đơn Ông Lê Duy H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án Dân sự sơ thẩm số: 27/2017/DS-ST ngày 18/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐT với nội dung:

- Tách theo đúng như giấy sang nhượng từ giáp đường vào là 30m x 5,5m.

- Diện tích đất chuyển nhượng cho vợ chồng ông L, bà T cách lộ giới 15m, sâu 30m, chiều ngang là 5,5m theo biên bản hòa giải tại Tòa án nhân dân huyện ĐT.

- Nếu không thỏa thuận được thì đề nghị hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên và hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông Lê Duy H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn vợ chồng ông Trần Phúc L, Bà Huỳnh Thị T không chấp nhận kháng cáo và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhận định: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng pháp luật. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn Ông Lê Duy H, giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 27/2017/DS-ST ngày 18/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 14/3/2001, ông H có chuyển nhượng cho vợ chồng ông L, bà T diện tích đất 165m² (30m x 5,5m) thuộc một phần thửa 270, tờ bản đồ 05, tại xã ĐL, huyện ĐT. Do ông H không làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật cho vợ chồng ông L, bà T nên các bên phát sinh tranh chấp. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn Ông Lê Duy H thì thấy rằng:

Căn cứ vào “*Giấy sang nhượng đất ở*” đề ngày 14/3/2001, có xác nhận của thôn trưởng là ông Hoàng Văn Lượng và Ủy ban nhân dân xã ĐL, huyện ĐT thì việc ông H có chuyển nhượng cho vợ chồng ông L, bà T diện tích đất 165m² có chiều ngang là 5,5m, chiều dài là 30m tại thôn 5, xã ĐL, huyện ĐT, lô đất có từ

cận: Hướng Đông giáp nhà ông Hiền, hướng Tây giáp nhà ông H, hướng Nam giáp nhà ông H và hướng Bắc giáp đường lộ với giá 14.000.000 đồng, vợ chồng ông L, bà T đã thanh toán đủ tiền và nhận đất chuyển nhượng để quản lý, sử dụng cho đến nay là có trên thực tế và được các bên đương sự thừa nhận.

[3] Xét thấy, về hình thức của hợp đồng: Tại thời điểm chuyển nhượng đất ngày 14/3/2001 thì ông H chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên các bên lập giấy tay chuyển nhượng có xác nhận của thôn trưởng và Ủy ban nhân dân xã ĐL, huyện ĐT. Đến ngày 08/4/2003 thì ông H đã được Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.040m² thuộc thửa 270, tờ bản đồ 05 tại xã ĐL, huyện ĐT.

[4] Về nội dung của hợp đồng: Hai bên lập “*giấy sang nhượng đất ở*” ngày 14/3/2001, thỏa thuận chuyển nhượng diện tích đất là 165m², chiều ngang là 5,5m, chiều dài là 30m. Lô đất tại thôn 5, xã ĐL, huyện ĐT có tứ cận: Đông giáp nhà ông Hiền, Tây giáp nhà ông H, Nam giáp nhà ông H, Bắc giáp đường lộ, kèm theo là biên bản đo đạc xác minh hiện trạng ngày 23/3/2001 của Ủy ban nhân dân xã ĐL, huyện ĐT thể hiện trong họa đồ diện tích đất chuyển nhượng đã trừ lộ giới là 20m được bên chuyển nhượng là Ông Lê Duy H và bên nhận chuyển nhượng là ông Trần Phúc L ký xác nhận.

Như vậy, có căn cứ khẳng định diện tích đất tại thời điểm chuyển nhượng có lộ giới là 20m tính từ tim đường ĐT 729.

[5] Hơn nữa, sau khi nhận chuyển nhượng đất thì vợ chồng ông L, bà T có san nền đổ đất, xây nhà tường gạch kết hợp ván gỗ và trồng một số cây ăn trái (cây bơ, cây mít) như hiện nay nhưng ông H lại không có ý kiến gì nên được xem là mặc nhiên thừa nhận.

Mặt khác, họa đồ đo đạc xác minh hiện trạng diện tích đất chuyển nhượng được Ủy ban nhân dân xã ĐL lập ngày 23/3/2001 phù hợp với diện tích đất thực tế mà vợ chồng ông L, bà T đang quản lý sử dụng.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã ĐL, huyện ĐT thì đường ĐT 729 (đất chuyển nhượng thuộc cung đường này) theo bản đồ đo đạc năm 1995 được trừ lộ giới là 20m tính từ tim đường. Theo quy hoạch điều chỉnh của Ủy ban nhân dân huyện ĐT tại Quyết định số: 2357/QĐ-UBND ngày 28/9/2012 về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã ĐL, huyện ĐT thì lộ giới đường ĐT 729 tính từ tim đường là 15m trừ khoảng lùi xây dựng 05m. Tuy nhiên, theo Quyết định số: 3498/QĐ-UB ngày 09/11/1999 của Ủy ban nhân dân huyện ĐT các chỉ tiêu quản lý thực hiện theo quy định đã được phê duyệt thì phân lộ giới thuộc khu quy hoạch Trung tâm xã ĐL, huyện ĐT vẫn tính là 20m.

[6] Đối với việc ông H cho rằng ông chỉ sang nhượng cho vợ chồng ông L, bà T 100m² đất ở thì thấy rằng: Căn cứ vào “*Giấy sang nhượng đất ở*” được các bên xác lập ngày 14/3/2001 thể hiện diện tích đất chuyển nhượng là 165m², phù hợp với diện tích đất 1.040m² (trong đó có 400m² đất ở) ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/4/2003 thuộc thửa 270 tờ bản đồ 05 tại xã ĐL, huyện ĐT trong đó có 400m² đất ở.

Vì vậy, việc ông H chỉ đồng ý làm thủ tục chuyển nhượng cho vợ chồng ông L, bà T diện tích đất 165m² (30 x 5,5m) được trừ 15m lộ giới tính từ tim đường ĐT 729 thuộc một phần thửa 270, tờ bản đồ số 05 tại xã ĐL, huyện ĐT trong đó có 100m² đất ở, đồng thời yêu cầu vợ chồng ông L, bà T phải trả lại phần đất phía sau mà vợ chồng ông L, bà T đã quản lý, sử dụng, trồng cây ăn trái từ khi nhận chuyển nhượng năm 2009 đến nay là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Theo thông báo số 361/TB-TNMT ngày 17/6/2014 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ĐT về việc trả hồ sơ xin tách thửa đất của hộ Ông Lê Duy H thì diện tích đất còn lại của ông H có chiều ngang là 4,5m không đủ điều kiện tách thửa thì thấy rằng: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 của Quyết định số: 33/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng thì: “*Đối với đất ở nông thôn (thuộc địa bàn các xã): Khuyến khích người sử dụng đất tách thửa đủ điều kiện để làm nhà biệt lập, biệt thự, nhà vườn; trường hợp không đủ điều kiện thì diện tích đất tối thiểu là 72m², kích thước theo mặt đường > 4,5m*”. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông H cung cấp thì thửa 270, tờ bản đồ 05 tại xã ĐL, huyện ĐT của ông H có diện tích là 1.040m², trong đó có 400m² đất ở nông thôn. Diện tích đất còn lại của ông H theo mặt đường ĐT 729 là 4,5m theo họa đồ đo vẽ của Ủy ban nhân dân xã ĐL. Như vậy, diện tích đất còn lại của ông H đủ điều kiện tách thửa theo quy định của pháp luật nên cần công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 14/3/2001 theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là có căn cứ.

[8] Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Bà Đặng Thị Ngọc H1 do không có tranh chấp cũng như yêu cầu gì nên cấp sơ thẩm không xem xét là có căn cứ.

Với phân tích trên, cấp phúc thẩm cần bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn Ông Lê Duy H để công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 14/3/2001 giữa nguyên đơn và bị đơn, đồng thời cần quy định cho vợ chồng ông L, bà T được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích nhận chuyển nhượng là có căn cứ.

[9] Về chi phí tố tụng: Do kháng cáo không được chấp nhận nên cần buộc ông H có trách nhiệm hoàn trả lại cho vợ chồng ông L, bà T số tiền 2.000.000 đồng.

[10] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm theo quy định. Các đương sự phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 - Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Ông Lê Duy H. Xử:

1. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 27/2017/DS-ST ngày 18/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐT đối với vụ án “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” giữa nguyên đơn vợ chồng ông Trần Phúc L, Bà Huỳnh Thị T với bị đơn Ông Lê Duy H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị B, Bà Đặng Thị Ngọc H1.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Trần Phúc L, Bà Huỳnh Thị T. Buộc Ông Lê Duy H tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 165m² đất ở nông thôn thuộc một phần thửa 270, tờ bản đồ 05 tại xã ĐL, huyện ĐT (Được trừ lộ giới 20m tính từ tim đường). Trên đất có 01 căn nhà cấp 4C tường xây gạch kết hợp ván gỗ diện tích 73,292m²; 03 cây bơ.(Có họa đồ kèm theo).

- Vợ chồng ông Trần Phúc L, Bà Huỳnh Thị T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, kê khai tách thửa để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với 165m² đất ở nông thôn thuộc một phần thửa 270, tờ bản đồ 05 tại xã ĐL, huyện ĐT (Được trừ lộ giới 20m tính từ tim đường) theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc Ông Lê Duy H có trách nhiệm hoàn trả lại cho vợ chồng Trần Phúc Liên, Bà Huỳnh Thị T số tiền 2.000.000 đồng.

- Lãi suất chậm thi hành án:

“Kể từ khi có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án phải chịu lãi tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự”.

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc Ông Lê Duy H phải chịu 1.897.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho vợ chồng ông Trần Phúc L, Bà Huỳnh Thị T số tiền 500.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006386 ngày 14/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐT.

4. Về án phí phúc thẩm: Buộc Ông Lê Duy H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006781 ngày 10/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐT.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 - Luật thi hành án”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND H. ĐT;
- CCTHADS H. ĐT;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Hữu Nhân